



**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Thông tin Công ty: Công ty Cổ phần One Capital Hospitality

- Mã chứng khoán: **OCH**
- Trụ sở chính: Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Văn phòng đại diện: Tầng 3, Tòa nhà Grandeur Palace – Giảng Võ, 138B Giảng Võ, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024. 37830101 Fax: 024. 37830202
- Người thực hiện công bố thông tin: Lê Đình Quang
- Địa chỉ liên hệ: Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 37830101
- Loại thông tin công bố:
 - 24 giờ
 - Bất thường khác
 - Theo yêu cầu
 - Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần One Capital Hospitality (OCH) công bố thông tin về Báo cáo tài chính soát xét năm 2022 và Công văn giải trình. Toàn văn Báo cáo và công văn giải trình như file đính kèm.

Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty ngày 26/08/2022 tại website Công ty OCH theo đường dẫn: <http://och.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như Kg;
- Lưu HC.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



LÊ ĐÌNH QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần One Capital Hospitality (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần One Capital Hospitality (tên gọi cũ là "Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH") tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng – Thương mại Bảo Long, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000464 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 7 năm 2006, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười bảy, số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 05 năm 2022.

Vốn điều lệ: 2.000.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 200.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: OCH

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi;
- Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thu Hằng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 21/04/2022
Ông Nguyễn Thành Trung	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 21/04/2022
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 21/04/2022
Ông Nguyễn Chính Phương	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/04/2022
Ông Huỳnh Minh Việt	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/04/2022
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/04/2022
Ông Nguyễn Dũng Minh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/04/2022
Ông Nguyễn Giang Nam	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 21/04/2022
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 21/04/2022
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 21/04/2022

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát

Bà Dương Thị Mai Hương	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 27/04/2022
Bà Nguyễn Hương Nga	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 21/04/2022
Bà Lê Thị Bích Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 27/04/2022
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên Ban kiểm soát	
Ông Vũ Xuân Dương	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 21/04/2022

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Đình Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/04/2022
Ông Nguyễn Quang Thành	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/04/2022
Ông Hà Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/06/2022
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/04/2022

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2022 đến ngày 21/04/2022 là ông Nguyễn Quang Thành – Tổng Giám đốc, từ ngày 22/04/2022 đến ngày 03/05/2022 là ông Lê Đình Quang – Tổng Giám đốc, từ ngày 04/05/2022 đến thời điểm lập báo cáo này là bà Nguyễn Thu Hằng – Chủ tịch HĐQT.

Ông Lê Đình Quang được bà Nguyễn Thu Hằng ủy quyền ký Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 theo Giấy ủy quyền số 03/2022/UQ-CT HĐQT ngày 10/05/2022.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Đình Quang

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022



Số: 043/2022/BCSXR-PB.00418

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần One Capital Hospitality**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần One Capital Hospitality (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26 tháng 08 năm 2022, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới thuyết minh số 5.8 (1), Dự án Khách sạn Sài Gòn Airport tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đang được thế chấp để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH Pegasus Thăng Long. Giá trị trích lập dự phòng tại ngày 30/06/2022 được xác định trên cơ sở số dư gốc 218.295.997.573 đồng ở thuyết minh số 5.8 (1) sau khi bù trừ với số phải trả Công ty TNHH Pegasus Thăng Long số tiền 116.042.770.800 đồng ở thuyết minh số 5.16 (i).



Lê Viết Cường

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2022	01/01/2022
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		623.797.594.481	631.875.754.148
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	107.995.197.664	53.915.650.897
1. Tiền	111		7.995.197.664	9.915.650.897
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	44.000.000.000
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		280.600.000.000	299.841.989.750
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	56.341.989.750
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	280.600.000.000	243.500.000.000
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.652.209.166	147.921.144.242
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	25.967.576.096	26.880.698.347
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	47.203.198.521	59.287.897.951
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	13.000.000.000	500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	900.351.987.275	970.033.973.009
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(881.870.552.726)	(908.781.425.065)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.8	121.871.092.848	121.871.092.848
1. Hàng tồn kho	141		224.124.319.621	224.124.319.621
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(102.253.226.773)	(102.253.226.773)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		8.679.094.803	8.325.876.411
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	20.938.331	88.064.333
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.439.570.714	2.019.226.320
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	6.218.585.758	6.218.585.758
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		907.781.716.694	941.293.434.324
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		164.580.942.072	155.843.822.367
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	117.771.730.333	113.921.021.668
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	53.064.295.303	48.177.884.263
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.7	(6.255.083.564)	(6.255.083.564)
II/ Tài sản cố định	220		1.244.941.177	1.378.491.967
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.222.745.844	1.351.568.634
- Nguyên giá	222		3.103.204.265	3.103.204.265
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.880.458.421)	(1.751.635.631)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	22.195.333	26.923.333
- Nguyên giá	228		397.208.682	397.208.682
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(375.013.349)	(370.285.349)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		147.400.000	147.400.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		147.400.000	147.400.000
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	740.312.000.044	781.484.286.908
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.414.955.150.718	1.414.955.150.718
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		88.801.147.484	88.801.147.484
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		90.094.700.000	90.094.700.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(853.538.998.158)	(812.366.711.294)
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		1.496.433.401	2.439.433.082
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.439.539.709	2.382.539.390
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		56.893.692	56.893.692
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.531.579.311.175	1.573.169.188.472

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2022	01/01/2022
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		135.481.184.216	137.457.839.965
I/ Nợ ngắn hạn	310		135.481.184.216	137.357.839.965
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	7.711.093.126	6.662.470.216
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		582.964.702	582.964.702
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	67.812.574	59.833.182
4. Phải trả người lao động	314		359.098.185	1.012.284.648
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	2.761.112.695	2.684.172.023
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	123.966.810.505	124.344.703.165
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		32.292.429	2.011.412.029
II/ Nợ dài hạn	330		-	100.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	100.000.000
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.396.098.126.959	1.435.711.348.507
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.17	1.396.098.126.959	1.435.711.348.507
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.493.439.505	4.493.439.505
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.329.814.592	6.329.814.592
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(614.725.127.138)	(575.111.905.590)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(575.111.905.590)	(187.232.119.652)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(39.613.221.548)	(387.879.785.938)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.531.579.311.175	1.573.169.188.472



Lê Đình Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Phạm Tiến Thành
Kế toán trưởng

Đỗ Lê Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	26.483.407.209	11.121.404.023
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		26.483.407.209	11.121.404.023
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	24.580.593.069	10.083.675.065
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.902.814.140	1.037.728.958
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	13.225.205.677	77.868.805.001
7. Chi phí tài chính	22	6.4	41.172.286.864	53.622.625.987
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	13.623.841.392	8.828.205.690
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(39.668.108.439)	16.455.702.282
11. Thu nhập khác	31		93.518.519	1.289.152.258
12. Chi phí khác	32		38.631.628	-
13. Lợi nhuận khác	40		54.886.891	1.289.152.258
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(39.613.221.548)	17.744.854.540
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(39.613.221.548)	17.744.854.540

(*) Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.



Lê Đình Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Phạm Tiến Thành
Kế toán trưởng

Đỗ Lê Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Chỉ tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(39.613.221.548)	17.744.854.540
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	133.550.790	153.375.312
- Các khoản dự phòng	03	14.261.414.525	53.622.625.987
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.084.875.427)	(77.868.805.001)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(33.303.131.660)	(6.347.949.162)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	81.064.460.415	18.933.923.052
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	(98.181.816)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	2.463.851	(1.723.096.557)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.010.125.683	(1.807.754.792)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	56.341.989.750	(408.334.300)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.979.119.600)	(889.483.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	103.136.788.439	7.659.123.125
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(416.950.708.665)	(43.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	363.500.000.000	18.627.849.315
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(92.020.500.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.393.466.993	56.057.695.762
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(49.057.241.672)	(60.334.954.923)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	54.079.546.767	(52.675.831.798)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	53.915.650.897	80.140.206.009
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	107.995.197.664	27.464.374.211



Lê Đình Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Phạm Tiến Thành
Kế toán trưởng

Đỗ Lê Anh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần One Capital Hospitality (tên gọi cũ là “Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH”) tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng – Thương mại Bảo Long, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000464 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 7 năm 2006, đăng ký chứng nhận doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười bảy số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 05 năm 2022.

Vốn điều lệ: 2.000.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 200.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: OCH

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ khách sạn.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi;
- Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.

1.4 Nhân viên

Số nhân viên tại ngày 30/06/2022 là 18 người (tại ngày 01/01/2022 là 26 người).

1.5 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

1.7 Cấu trúc công ty

Công ty có các Công ty con sau:

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tân Việt	51,42%	51,42%	Nha Trang	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Bánh Givral	99,68%	99,68%	Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh các loại bánh
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	79,26%	79,26%	Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	94,00%	94,00%	Hà Nội	Dịch vụ
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	100,00%	100,00%	Nha Trang	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiên (Công ty con của Công ty Cổ phần Bánh Givral)	99,66%	99,68%	Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại bánh, kem
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bình Hưng	99,00%	99,00%	Bắc Ninh	Cho thuê nhà xưởng khu công nghiệp

Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	49,10%	49,10%	Quảng Nam	Kinh doanh khách sạn

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Số cổ phần nắm giữ	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng	442.370	Hồ Chí Minh	Tư vấn thiết kế, xây lắp
Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội	375.000	Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh kính mắt
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	7.424.100	Hà Nội	Đầu tư kinh doanh bất động sản

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Chương trình phần mềm, nhãn hiệu

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm, nhãn hiệu gồm: Nguyên giá của phần mềm, nhãn hiệu là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm, nhãn hiệu, website OCH được khấu hao như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán Bravo 7.0	03
Nhãn hiệu OCEAN HOSPITALITY	10
Nhãn hiệu STARCITY HOTEL	10
Website OCH	05

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị, chi phí khác... và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Các chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm: Chi phí cải tạo văn phòng, chi phí đồ dùng văn phòng, ... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.15 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	239.071.412	3.414.130.948
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.756.126.252	6.501.519.949
Các khoản tương đương tiền (i)	100.000.000.000	44.000.000.000
Cộng	107.995.197.664	53.915.650.897

(i) Tại ngày 30/06/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có tổng giá trị 100.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất theo kỳ hạn tương ứng.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	280.600.000.000	280.600.000.000	243.500.000.000	243.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	280.600.000.000	280.600.000.000	243.500.000.000	243.500.000.000
Cộng	280.600.000.000	280.600.000.000	243.500.000.000	243.500.000.000

(i) Tại ngày 30/06/2022, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có tổng giá trị 280.600.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất theo kỳ hạn tương ứng.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	12.265.157.096	-	4.779.801.219	-
Công ty Cổ phần Bánh Givral	11.934.208.783	-	4.448.852.906	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	330.948.313	-	330.948.313	-
Các bên khác	13.702.419.000	(2.047.273.687)	22.100.897.128	(2.047.273.687)
Công ty TNHH An Việt Hà Nội (i)	4.203.059.078	-	12.601.537.206	-
Đối tác nhận nợ Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (ii)	6.797.141.720	-	6.797.141.720	-
Các đối tượng khác	2.702.218.202	(2.047.273.687)	2.702.218.202	(2.047.273.687)
Cộng	25.967.576.096	(2.047.273.687)	26.880.698.347	(2.047.273.687)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022**

(i) Theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất số 2812/2020/HĐCNTS/OCH-AV ngày 28/12/2020 giữa Bên chuyển nhượng: Công ty (bên A) và Bên nhận chuyển nhượng: Công ty TNHH An Việt Hà Nội (bên B). Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ tài sản Nhà xưởng tại thửa đất số Lô 45-1 Khu Công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của Bên A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM665261 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 28/07/2008 và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp điều chỉnh ngày 18/06/2018.

Ngày 27/01/2021, Công ty đã nhận được văn bản của Cơ quan chức năng về việc "tạm dừng mọi biến động (giao dịch chuyển nhượng mua, bán, cho tặng, cầm cố, thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất..) đối với thửa đất số Lô 45-1, khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội". Ngày 22/12/2021, Công ty đã nhận được văn bản của Cơ quan chức năng về việc "thông báo kết quả xác minh sự việc". Theo đó, Công ty được tiếp tục thực hiện các biến động liên quan đến thửa đất theo quy định của pháp luật.

(ii) Theo thỏa thuận ba bên số 02/2020/TT/MBN ngày 08/01/2020, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ tại Công ty cho đối tác. Số phải thu đối tác nhận nợ còn lại tại ngày 30/06/2022 là 6.797.141.720 VND.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên khác	47.203.198.521	(86.000.000)	59.287.897.951	(19.308.000.000)
Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư (i)	18.267.900.000	-	38.567.900.000	(19.285.000.000)
Công ty TNHH C&C	8.759.250.000	-	3.645.378.000	-
Công ty TNHH Bao Bì PHP	8.451.344.250	-	8.090.257.450	-
Công ty TNHH Sản xuất & dịch vụ in bao bì Tâm Bảo	4.476.333.290	-	6.254.461.290	-
Các đối tượng khác	7.248.370.981	(86.000.000)	2.729.901.211	(23.000.000)
Cộng	47.203.198.521	(86.000.000)	59.287.897.951	(19.308.000.000)

(i) Đây là khoản đặt cọc để nhận chuyển nhượng 3.853.010 cổ phần của Công ty Cổ phần Viptour - Togi, tương ứng với 19% số cổ phần còn lại trong Công ty con này của Công ty, trong đó bao gồm số tiền: 18.267.900.000 đồng trong tài khoản đồng sở hữu giữa Công ty và Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư (tên gọi cũ là Công ty TNHH Du lịch và Xúc tiến Đầu tư) mở tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank). Tại ngày 30/08/2016, Công ty đã có biên bản làm việc với Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư về việc đồng ý chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng. Ngày 03/06/2022, Công ty đã ký kết hợp đồng số 01/2022/HĐMBN về việc bán khoản nợ phải thu 20.300.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, Công ty đã thực hiện bán khoản nợ phải thu cho đối tác nhận nợ với giá 1.015.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.5 Phải thu về cho vay**5.5.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	13.000.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Viptour-Togi (ii)	13.000.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	13.000.000.000	-	500.000.000	-

5.5.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	117.771.730.333	-	113.921.021.668	-
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang (i)	77.930.567.000	-	74.079.858.335	-
Công ty Cổ phần Viptour-Togi (ii)	39.841.163.333	-	39.841.163.333	-
Cộng	117.771.730.333	-	113.921.021.668	-

(i) Khoản cho vay đối với Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang bao gồm các thỏa thuận sau:

- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 05/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 31/03/2016, Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 07/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 01/06/2016, thỏa thuận hỗ trợ vốn số 08/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/06/2016, thỏa thuận hỗ trợ vốn số 09/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 28/07/2016 kèm theo các Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn của khoản cho vay là 10 năm, lãi suất 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2022 là 21.187.637.392 đồng.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 15A/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 08/11/2016, thỏa thuận hỗ trợ vốn số 15B/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 14/11/2016 và thỏa thuận hỗ trợ vốn số 15C/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 29/11/2016 kèm theo các Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2022 là 8.473.000.000 đồng.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 01-1/2017/TTHTV/OCH-SHNT ngày 04/01/2017 và thỏa thuận hỗ trợ vốn số 02/2017/TTHTV/OCH-SHNT ngày 16/11/2017 kèm theo các Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2022 là 7.098.000.000 đồng.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 01/2018/TTHTV/OCH-SHNT ngày 20/03/2018 kèm theo Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2022 là 11.500.000.000 đồng.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 02/2018/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/05/2018 kèm theo Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2022 là 2.500.000.000 đồng.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 01/2019/TTHTV/OCH-SHNT ngày 01/04/2019 kèm theo Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2022 là 2.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 02/2020/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/06/2020 kèm theo Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 31/12/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2022 là 22.431.929.608 đồng.

- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 01/2022/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/03/2022, thời hạn hỗ trợ vốn đến ngày 31/12/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2022 là 2.740.000.000 đồng.

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Viptour - Togi vay gồm các hợp đồng và thỏa thuận hỗ trợ vốn sau:

- Hợp đồng hỗ trợ vốn số 03/2016/HĐCV/OCH-SHNT ngày 04/02/2016, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 10%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2022 là 40.000.000.000 đồng. Hợp đồng được gia hạn tới ngày 31/12/2026, lãi suất 7,5%/ năm.

- Thỏa thuận hỗ trợ vốn Số 01/2017/TTHTV/OCH-VIPTOURTOGI ngày 12/01/2017, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2022 là 197.163.333 đồng. Thỏa thuận hỗ trợ vốn được gia hạn đến ngày 31/12/2024, lãi suất 7,5%/ năm.

- Thỏa thuận hỗ trợ vốn Số 02/2017/TTHTV/OCH-VIPTOURTOGI ngày 03/07/2017, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 10%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2022 là 44.000.000 đồng. Thỏa thuận hỗ trợ vốn được gia hạn đến ngày 31/12/2024, lãi suất 7,5%/ năm.

- Thỏa thuận hỗ trợ vốn Số 01/2020/TTHTV/OCH - VIPTOURTOGI ngày 31/03/2020, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2022 là 100.000.000 đồng. Thỏa thuận vốn được gia hạn đến ngày 31/12/2024, lãi suất 7,5%/ năm.

- Thỏa thuận hỗ trợ vốn Số 01/2022/TTHTV/OCH – VIPTOURTOGI ngày 25/03/2022, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2022 là: 12.500.000.000 đồng.

5.6 Phải thu khác

5.6.1 Phải thu khác ngắn hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	16.447.198.000	-	48.813.198.000	-
Phải thu tiền góp vốn mua cổ phần - Công ty Cổ phần Viptour - Togi	-	-	32.366.000.000	-
Tiền cổ tức phải thu - Công ty Cổ phần Bánh Givral	16.447.198.000	-	16.447.198.000	-
Các bên khác	883.904.789.275	(879.737.279.039)	921.220.775.009	(887.426.151.378)
Ông Hà Trọng Nam (1)	586.131.347.928	(586.131.347.928)	586.131.347.928	(586.131.347.928)
Bà Hứa Thị Bích Hạnh (2)	56.794.444.446	(56.794.444.446)	56.794.444.446	(56.794.444.446)
Công ty TNHH VNT (3)	201.200.820.000	(201.200.820.000)	201.200.820.000	(201.200.820.000)
Công ty TNHH Kiến trúc và Xây dựng Tràng An (4)	35.366.666.665	(35.366.666.665)	35.366.666.665	(35.366.666.665)
Phải thu khác	4.411.510.236	(244.000.000)	41.727.495.970	(7.932.872.339)
Cộng	900.351.987.275	(879.737.279.039)	970.033.973.009	(887.426.151.378)

(1) Khoản phải thu của Ông Hà Trọng Nam

Khoản ứng trước cho ông Hà Trọng Nam (Bên liên quan trước đây của Công ty) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 về việc Công ty nhận chuyển

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

nhượng 634.700 cổ phần của Công ty Cổ phần Tràng Tiền từ một nhóm cổ đông do ông Hà Trọng Nam làm đại diện. Tại ngày 05 tháng 06 năm 2015, Công ty đã ký phụ lục hợp đồng số 05 với ông Hà Trọng Nam. Theo đó, hai bên thỏa thuận dừng thực hiện chuyển nhượng cổ phần và ông Hà Trọng Nam có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ gốc và lãi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày ký kết phụ lục.

Khoản phải thu gốc và lãi phải thu đã được trích lập dự phòng 100% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2015. Công ty đã yêu cầu ông Hà Trọng Nam bổ sung tài sản dùng để đảm bảo cho khoản công nợ phải thu. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo, ông Hà Trọng Nam chưa thực hiện theo quy định và chưa hoàn trả thêm khoản công nợ này.

(2) Khoản phải thu của Bà Hứa Thị Bích Hạnh

Khoản tiền 40.000.000.000 đồng chuyển cho bà Hạnh theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 16/2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 03 năm 2012 để kinh doanh chứng khoán, với thời hạn 12 tháng, Hợp đồng hết hạn từ 31/03/2013 và được gia hạn đến 31/03/2015.

Khoản tiền 16.794.444.446 đồng là tiền lãi tính từ ngày 07/03/2012 đến ngày 31/03/2015 trên khoản tiền chuyển cho bà Hứa Thị Bích Hạnh theo hợp đồng góp vốn đầu tư số 16/2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 03 năm 2012 nêu trên.

(3) Khoản phải thu của Công ty TNHH VNT

Đây là khoản phải thu theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 3008/2013/HTĐT/VNT-OCH ngày 30/08/2013 để thực hiện Dự án khu số 1 thuộc Khu đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang với Công ty TNHH VNT. Ngày 31/08/2016 hai bên đã lập biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty TNHH VNT có nghĩa vụ phải hoàn trả số tiền Công ty đã góp vốn.

(4) Khoản phải thu của Công ty TNHH Kiến trúc và Xây dựng Tràng An (tên gọi cũ là Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Tràng An)

Khoản tiền 20.000.000.000 đồng là khoản đặt cọc theo hợp đồng số 33/2014/HĐĐC/OCH-TA với Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Tràng An ngày 09 tháng 9 năm 2014 để thuê văn phòng. Theo Công văn số 08A/2016/CV-OCH ngày 15 tháng 01 năm 2016, Hợp đồng đặt cọc đã chấm dứt và Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Tràng An phải hoàn lại số tiền đặt cọc trên cho Công ty.

Khoản tiền 15.366.666.665 đồng là lãi phải thu của khoản tiền 20.000.000.000 đồng nêu trên tính từ ngày nhận đặt cọc là ngày 10 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 22/11/2021, Công ty nhận được Bản án phúc thẩm số 180/2021/KDTM - PT ngày 10/11/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội về việc tranh chấp đòi tiền theo Biên bản thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng đặt cọc giữa Công ty và Công ty TNHH Kiến trúc và Xây dựng Tràng An (tên gọi cũ là Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Tràng An). Theo quyết định của bản án, Công ty TNHH Kiến trúc và Xây dựng Tràng An có nghĩa vụ phải hoàn trả cho Công ty số tiền đặt cọc và tiền lãi phát sinh trên số tiền đặt cọc trên đến thời điểm hoàn trả thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.6.2 Phải thu khác dài hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	45.985.154.239	-	41.098.743.199	-
Phải thu tiền lãi hỗ trợ vốn - Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha trang (*)	19.295.365.879	-	16.175.319.542	-
Phải thu tiền lãi hỗ trợ vốn - Công ty Cổ phần Viptour - Togi (*)	26.689.788.360	-	24.923.423.657	-
Các bên khác	7.079.141.064	(6.255.083.564)	7.079.141.064	(6.255.083.564)
Ký quỹ, ký cược	824.057.500	-	824.057.500	-
Phải dài hạn thu khác	6.255.083.564	(6.255.083.564)	6.255.083.564	(6.255.083.564)
Cộng	53.064.295.303	(6.255.083.564)	48.177.884.263	(6.255.083.564)

(*) Xem chi tiết tại thuyết minh số 5.5.2

5.7 Nợ xấu

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	881.934.446.126	(881.870.552.726)	910.264.995.957	(908.781.425.065)
Ông Hà Trọng Nam	586.131.347.928	(586.131.347.928)	586.131.347.928	(586.131.347.928)
Bà Hứa Thị Bích Hạnh	56.794.444.446	(56.794.444.446)	56.794.444.446	(56.794.444.446)
Công ty TNHH VNT	201.200.820.000	(201.200.820.000)	201.200.820.000	(201.200.820.000)
Công ty TNHH Kiến trúc và Xây dựng Tràng An	35.366.666.665	(35.366.666.665)	35.366.666.665	(35.366.666.665)
Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư	-	-	20.300.000.000	(19.285.000.000)
Các đối tượng khác	2.441.167.087	(2.377.273.687)	10.471.716.918	(10.003.146.026)
b) Dài hạn	6.255.083.564	(6.255.083.564)	6.255.083.564	(6.255.083.564)
Các đối tượng khác	6.255.083.564	(6.255.083.564)	6.255.083.564	(6.255.083.564)
Cộng	888.189.529.690	(888.125.636.290)	916.520.079.521	(915.036.508.629)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	915.036.508.629	873.772.828.035
Trích lập trong kỳ	63.000.000	-
Hoàn nhập trong kỳ	(26.973.872.339)	-
Số dư cuối kỳ	888.125.636.290	873.772.828.035

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (1)	218.295.997.573	(102.253.226.773)	218.295.997.573	(102.253.226.773)
Hàng hoá (2)	5.828.322.048	-	5.828.322.048	-
Cộng	224.124.319.621	(102.253.226.773)	224.124.319.621	(102.253.226.773)

(1) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí dự án Saigon Airport (tên gọi khác là Dự án Starcity Airport) tại Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Pegasus Thăng Long, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng lũy kế của dự án. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 41/2015/NQ-HĐQT ngày 29/10/2015 thống nhất: Dừng thi công Dự án Khách sạn Saigon Airport Plaza để tìm đối tác chuyển nhượng. Ngày 25/05/2022, Công ty đã nhận được Bản án phúc thẩm số 65/2022/KDTM-PT ngày 04/05/2022 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Khoản vay của Công ty TNHH Pegasus Thăng Long đã được chuyển nhượng cho 1 đối tượng khác và dự án được thế chấp để bảo lãnh cho khoản vay. Trong trường hợp Công ty TNHH Pegasus Thăng Long không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đối tượng nhận chuyển nhượng nợ có quyền đề nghị kê biên, phát mại tài sản. Giá trị dự phòng tại ngày 31/12/2021 được xác định là chênh lệch giữa giá bù trừ với số phải trả Công ty TNHH Pegasus Thăng Long ở thuyết minh số 5.16 (i).

(2) Đây là giá trị quyền kinh doanh, khai thác và sử dụng 06 căn phòng Khách sạn StarCity Nha Trang, khách sạn đã hoàn thành và đưa vào kinh doanh từ ngày 15/01/2016. Công ty đang tiếp tục tìm kiếm khách hàng để chuyển nhượng các căn hộ trên trong thời gian tới.

5.9 Chi phí trả trước**5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.730.000	8.206.000
Các khoản khác	17.208.331	79.858.333
Cộng	20.938.331	88.064.333

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	206.809.454	339.214.434
Chi phí sửa chữa, nâng cấp Văn phòng	1.215.659.380	1.541.002.540
Chi phí đồ dùng văn phòng, thuê văn phòng	-	462.832.500
Các khoản khác	17.070.875	39.489.916
Cộng	1.439.539.709	2.382.539.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2022	586.593.900	2.360.455.819	156.154.546	3.103.204.265
Số dư tại 30/06/2022	586.593.900	2.360.455.819	156.154.546	3.103.204.265
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư tại 01/01/2022	586.593.900	1.073.687.185	91.354.546	1.751.635.631
Khấu hao trong năm	-	118.022.790	10.800.000	128.822.790
Số dư tại 30/06/2022	586.593.900	1.191.709.975	102.154.546	1.880.458.421
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2022	-	1.286.768.634	64.800.000	1.351.568.634
Số dư tại 30/06/2022	-	1.168.745.844	54.000.000	1.222.745.844

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2022 là 634.748.446 VND, tại 01/01/2022 là 634.748.446 VND.

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Chi phí thiết kế nhãn hiệu, website VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2022	235.928.682	161.280.000	397.208.682
Số dư tại 30/06/2022	235.928.682	161.280.000	397.208.682
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư tại 01/01/2022	235.928.682	134.356.667	370.285.349
Khấu hao trong năm	-	4.728.000	4.728.000
Số dư tại 30/06/2022	235.928.682	139.084.667	375.013.349
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2022	-	26.923.333	26.923.333
Số dư tại 30/06/2022	-	22.195.333	22.195.333

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2022 là 349.928.682 VND, tại 01/01/2022 là 349.928.682 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý (i) VND	Giá hợp lý (i) VND
Đầu tư vào công ty con	1.414.955.150.718	(683.801.154.027)	1.414.955.150.718	(642.877.946.799)
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	47.000.000.000	(47.000.000.000)	47.000.000.000	(47.000.000.000)
Công ty Cổ phần Tân Việt	109.493.338.104	(19.323.422.547)	109.493.338.104	(11.836.725.860)
Công ty Cổ phần Bánh Givral	328.943.960.000	-	328.943.960.000	-
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	246.832.000.000	(143.886.262.415)	246.832.000.000	(139.272.283.400)
Công ty TNHH Một Thành Viên Sao Hóm Nha trang	590.665.352.614	(450.071.168.116)	590.665.352.614	(422.488.808.198)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bình Hưng	92.020.500.000	(23.520.300.949)	92.020.500.000	(22.280.129.341)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	88.801.147.484	(88.801.147.484)	88.801.147.484	(88.801.147.484)
Công ty Cổ phần dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	88.801.147.484	(88.801.147.484)	88.801.147.484	(88.801.147.484)
Đầu tư vào đơn vị khác	90.094.700.000	(80.936.696.647)	90.094.700.000	(80.687.617.011)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng	4.423.700.000	(1.571.266.373)	4.423.700.000	(1.571.266.373)
Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội	11.430.000.000	(11.430.000.000)	11.430.000.000	(11.430.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	74.241.000.000	(67.935.430.274)	74.241.000.000	(67.686.350.638)
Cộng	1.593.850.998.202	(853.538.998.158)	1.593.850.998.202	(812.366.711.294)

(i) Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với các công ty con: Xem thuyết minh số 7.2.3

Tình hình hoạt động của công ty con: Xem thuyết minh số 1.7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	468.936.450	468.936.450	468.936.450	468.936.450
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	468.936.450	468.936.450	468.936.450	468.936.450
Các bên khác	7.242.156.676	7.242.156.676	6.193.533.766	6.193.533.766
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thực phẩm Ngon	908.852.141	908.852.141	1.629.210.000	1.629.210.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất in Hoàng An	4.330.576.800	4.330.576.800	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	2.002.727.735	2.002.727.735	4.564.323.766	4.564.323.766
Cộng	7.711.093.126	7.711.093.126	6.662.470.216	6.662.470.216

5.14 Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số phải thu đầu kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.218.585.758	-	-	-	6.218.585.758	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	67.812.574	389.879.220	397.858.612	-	59.833.182
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Cộng	6.218.585.758	67.812.574	394.879.220	402.858.612	6.218.585.758	59.833.182

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí điện nước	1.686.060.082	1.686.060.082
Chi phí tư vấn và thực hiện đăng ký điều chỉnh thông tin Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận đầu tư thửa đất số Lô 45-1 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	727.272.727	727.272.727
Các khoản khác	347.779.886	270.839.214
Cộng	2.761.112.695	2.684.172.023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.16 Phải trả khác ngắn hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	803.535.855	803.535.855	803.535.855	803.535.855
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	803.535.855	803.535.855	803.535.855	803.535.855
Các bên khác	123.163.274.650	123.163.274.650	123.541.167.310	123.541.167.310
Kinh phí công đoàn	22.780.315	22.780.315	9.081.145	9.081.145
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.337.521.772	5.337.521.772	5.337.521.772	5.337.521.772
Phải trả Công ty TNHH Pegasus Thăng Long (i)	116.042.770.800	116.042.770.800	116.042.770.800	116.042.770.800
Phải trả khác	1.757.926.765	1.757.926.765	2.151.793.593	2.151.793.593
Cộng	123.966.810.505	123.966.810.505	124.344.703.165	124.344.703.165

(i) Công ty và Công ty TNHH Pegasus Thăng Long ("Pegasus Thăng Long") có thỏa thuận hợp tác kinh doanh với các nội dung chính gồm:

- Hai bên hợp tác để cùng nhau đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn nằm trong Dự án Sài Gòn Airport Plaza, tại số 01, đường Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quy mô góp vốn: Pegasus Thăng Long góp 60% tổng giá trị góp vốn;
- Thời gian hợp tác kinh doanh: Kể từ ngày ký cho đến khi Các bên đã hoàn thành mọi quyền và nghĩa vụ cam kết theo hợp đồng và thực hiện thanh lý hợp đồng;
- Phương thức phân chia kết quả: Sau khi Dự án hoàn thành, Pegasus Thăng Long sẽ được hưởng 60% lợi nhuận từ việc khai thác Dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.17 Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2021	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(185.446.119.652)	1.825.377.134.445
Lãi trong năm trước	-	-	-	(387.879.785.938)	(387.879.785.938)
Trích lập quỹ	-	-	-	(1.786.000.000)	(1.786.000.000)
Số dư tại 31/12/2021	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(575.111.905.590)	1.435.711.348.507
Số dư tại 01/01/2022	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(575.111.905.590)	1.435.711.348.507
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(39.613.221.548)	(39.613.221.548)
Số dư tại 30/06/2022	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(614.725.127.138)	1.396.098.126.959

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2022			01/01/2022		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	111.194.552	1.111.945.520.000	55,60%	111.194.552	1.111.945.520.000	55,60%
Các cổ đông khác	88.805.448	888.054.480.000	44,40%	88.805.448	888.054.480.000	44,40%
Cộng	200.000.000	2.000.000.000.000	100%	200.000.000	2.000.000.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000

Cổ phiếu

	30/06/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	200.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa	26.472.023.689	10.973.680.384
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.383.520	147.723.639
Cộng	26.483.407.209	11.121.404.023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Công ty Cổ phần Bánh Givral	26.472.023.689	10.973.680.384
Cộng	26.472.023.689	10.973.680.384

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Giá vốn của hàng đã bán	24.579.209.549	9.975.951.426
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.383.520	107.723.639
Cộng	24.580.593.069	10.083.675.065

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.084.875.427	11.742.370.101
Lãi bán chứng khoán	5.140.330.250	277.642.900
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	65.848.792.000
Cộng	13.225.205.677	77.868.805.001

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	41.172.286.856	53.622.625.987
Cộng	41.172.286.864	53.622.625.987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.847.109.420	5.217.488.991
Chi phí khấu hao TSCĐ	133.550.790	148.647.312
Chi phí dự phòng	63.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.713.919.657	1.778.985.709
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.866.261.525	1.683.083.678
Cộng	13.623.841.392	8.828.205.690

6.6 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(39.613.221.548)	17.744.854.540
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	-	(65.848.792.000)
<i>Hoạt động kinh doanh khác</i>	<i>-</i>	<i>(65.848.792.000)</i>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản chi phí không được trừ	-	-
Các khoản tăng khác	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(65.848.792.000)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>-</i>	<i>(65.848.792.000)</i>
Thu nhập tính thuế TNDN	(39.613.221.548)	(48.103.937.460)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	-	-

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.582.386	157.402.476
Chi phí nhân công	4.487.109.420	5.217.488.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	133.550.790	153.375.312
Chi phí dự phòng	63.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.713.919.657	1.609.664.388
Chi phí khác bằng tiền	1.778.679.139	1.525.681.202
Cộng	13.263.841.392	8.663.612.369

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh**

Hiện tại, Dự án Khách sạn Sài Gòn Airport tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đang được thế chấp để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH Pegasus Thăng Long chi tiết xem tại mục 1 thuyết minh 5.8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1. Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	Công ty con
Công ty TNHH Một Thành Viên Sao hôm Nha trang	Công ty con

7.2.2. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
		VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Bà Nguyễn Thu Hằng	Chủ tịch HĐQT	150.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Chính Phương	Thành viên	21.428.571	-
Ông Huỳnh Minh Việt	Thành viên	21.428.571	-
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên	21.428.571	-
Ông Nguyễn Dũng Minh	Thành viên	21.428.571	-
Ông Nguyễn Thành Trung	Chủ tịch HĐQT	300.000.000	600.000.000
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Chủ tịch HĐQT	150.000.000	300.000.000
Ông Nguyễn Giang Nam	Thành viên	90.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên	90.000.000	180.000.000
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên	90.000.000	180.000.000
Tổng		955.714.284	1.620.000.000
Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát			
Bà Dương Thị Mai Hương	Trưởng ban	21.428.571	-
Bà Lê Thị Bích Hạnh	Thành viên	10.714.286	-
Bà Nguyễn Hương Nga	Trưởng ban	60.000.000	120.000.000
Ông Vũ Xuân Dương	Thành viên	30.000.000	60.000.000
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên	45.000.000	60.000.000
Tổng		167.142.857	240.000.000
Tiền lương của TGD và người quản lý khác			
Ông Lê Đình Quang	Tổng Giám đốc	166.942.433	-
Ông Nguyễn Quang Thành	Tổng Giám đốc	518.804.545	616.100.000
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc	176.930.351	211.800.000
Ông Hà Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	23.824.473	-
Tổng		886.501.802	827.900.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

7.2.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lãi cho vay		
Công ty Cổ phần Viptour Togi	1.766.364.703	2.028.752.561
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	3.120.046.337	3.481.950.745
Cổ tức		
Công ty Cổ phần Bánh Givral	-	65.788.792.000

7.2.4. Số dư với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan.

7.3. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ về hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính riêng bởi vì ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ khách sạn và trong lãnh thổ Việt Nam.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

7.5. Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

7.6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng này.



Lê Đình Quang

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Phạm Tiến Thành

Kế toán trưởng

Đỗ Lê Anh

Người lập biểu

